

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA KHU CẢI
TÁNG, MAI TÁNG PHÍA NAM NGHĨA TRANG THÔN CHÁNH OAI, XÃ
CÁT HẢI, HUYỆN PHÙ CÁT (NAY LÀ XÃ CÁT TIỀN,
TỈNH GIA LAI)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu cải táng, mai táng phía Nam nghĩa trang thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát (nay là xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai).
- Địa điểm thực hiện: xã Cát Tiến, tỉnh Gia Lai.
- Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai.
- Địa chỉ liên hệ: 281 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích: 98.069,0 m².

Điểm mốc	Tọa độ VN 2000, múi 3 ⁰		Điểm mốc	Tọa độ VN 2000, múi 3 ⁰	
	X	Y		X	Y
M1	1550114.028	606927.766	M21	1550583.68	606593.915
M2	1550141.136	606960.196	M22	1550580.204	606583.681
M3	1550186.97	606915.64	M23	1550558.308	606587.797
M4	1550232.804	606871.085	M24	1550539.289	606585.606
M5	1550227.961	606866.794	M25	1550528.747	606580.293
M6	1550238.506	606854.894	M26	1550528.641	606569.739
M7	1550243.054	606858.924	M27	1550497.261	606560.69
M8	1550273.842	606819.528	M28	1550465.993	606513.083
M9	1550304.631	606180.131	M29	1550434.726	606465.476
M10	1550345.568	606756.045	M30	1550377.946	606501.036
M11	1550386.505	606731.959	M31	1550321.166	606536.595
M12	1550438.244	606713.264	M32	1550311.539	606588.256
M13	1550489.983	606694.57	M33	1550276.109	606631.918
M14	1550536.5	606676.238	M34	1550240.68	606675.58
M15	1550583.018	606657.905	M35	1550229.343	606691.772
M16	1550626.699	606631.442	M36	1550212.448	606702.491

M17	1550662.144	606622.362	M37	1550175.746	606754.91
M18	1550657.748	606611.146	M38	1550130.556	60670.416
M19	1550634.382	606611.714	M39	1550090.6	606798.236
M20	1550597.491	606602.312	M40	1550050.644	606826.055
			M41	1550086.92	606895.337

- Quy mô: Gồm 2.282 mộ bố trí cho nhu cầu chôn cất cải táng và 2.518 mộ bố trí cho nhu cầu chôn cất mai táng

- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất cải táng, mai táng (4800 mộ)	46358,8	47,27
1.1	<i>Đất khu mai táng (2518 mộ)</i>	24824,9	
1.2	<i>Đất khu cải táng (2282 mộ)</i>	17529,1	
2.3	<i>Đất khu mộ hiện trạng (106 mộ)</i>	4004,8	
3	Đất cây xanh, mương nước	27365,2	27,90
4	Đất hành lang đường ĐT 639	8243,5	8,41
5	Đất giao thông + bãi đậu xe	15573,5	15,88

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tiêu chí về môi trường của Dự án đầu tư: nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: Khai thác các mỏ đất phục vụ san lấp mặt bằng dự án.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, nhà hương khói.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, cống ra vào.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 15.074,5m².

- Bố trí 01 nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít, bãi tập kết vật liệu 50m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích khoảng 3,38 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- San ủi, tạo mặt bằng: trong quá trình thực hiện việc san ủi sẽ gây ra các tác động đến môi trường như việc vận chuyển vật liệu đất đắp dùng để san lấp, vận chuyển đất đào hữu cơ, san gạt, đầm nén làm phát sinh lượng bụi và khí thải vào môi trường, ảnh hưởng tới các phương tiện tham gia giao thông và người dân sinh sống dọc các tuyến đường mà xe vận chuyển đi qua.

- Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án: phát sinh bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu, hoạt động thi công phát sinh tiếng ồn, độ rung, phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Hoạt động mai táng, cải táng, thăm viếng khi dự án đi vào vận hành: các hoạt động này làm phát sinh chất thải rắn, bụi, mùi từ hoạt động đốt hương, vàng mã.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng khoảng 1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công sau ngày làm việc, phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày (tuần hoàn tái sử dụng sau khi lắng cặn). Thành phần chủ yếu là đất, cát, cặn lơ lửng, ...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 16 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng, bao gồm:

- + Sinh khối thực vật trong quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 500 tấn trong suốt quá trình thi công.

- + Đất đào bóc phong hóa phát sinh từ dự án với khối lượng khoảng 4.695,6m³.

- + Đất đào phát sinh từ bãi thải vật liệu trong dự án với khối lượng khoảng 56.103,9 m³.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động thi công xây dựng của dự án có phát sinh chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát (giẻ lau dính dầu thải, bình ắc quy hỏng,...) với khối lượng khoảng 100 kg/trong toàn bộ thời gian thi công.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ và rừng sản xuất sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái khu vực.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

- Tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ ngập úng cục bộ, ảnh hưởng tiêu thoát nước hiện trạng khu vực,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại của công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải vệ sinh dụng cụ thi công: lắng cặn, tái sử dụng cho hoạt động xây dựng.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các rãnh thu gom nước mưa tạm thời trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để đất, cát được lưu giữ lại, đảm bảo nước được lắng trong trước khi thải ra ngoài môi trường; tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu; bố trí rãnh thu gom xung quanh.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thoát nước theo hướng tự chảy từ Nam ra Bắc và từ Tây sang Đông bằng các cống dọc, cống ngang BTCT có đường kính D600-D800mm. Cụ thể:

- + Hệ thống thoát nước mưa nội bộ lô A và B: Bố trí cống tròn BTCT D800 dọc theo bên phải tuyến đường ĐS2 để thu nước mặt cho phần khu mộ của lô B và lô A phía Tây đường ĐS2.

- + Hệ thống thoát nước mưa nội bộ lô C (Khu phía Nam): Dọc theo biên lô đất ở phía Nam và Bắc bố trí rãnh thoát nước bằng mương hở hình thang 40x40cm, kết cấu mương bằng bê tông đổ tại chỗ. Dọc theo biên lô đất ở đỉnh mái taluy đào phía Đông và phía Nam sẽ cải tạo nạo vét đắp bờ tạo mương thoát nước.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chờ đúng tải trọng quy định.

- Bố trí công nhân quét dọn, thu gom đất rơi vãi do các xe vận chuyển nguyên vật liệu ra vào thi công dự án.

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phân loại, thu gom, lưu chứa trong thùng rác có nắp đậy kín tại các khu vực lán trại. Chất thải được thu gom trong ngày và hợp đồng

với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không chôn lấp hoặc đốt rác trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng, thi công dự án:

- + Đối với đất bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp được quản lý theo quy định tại Điều 10 Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- + Đối với đất đào phát sinh từ bãi thải vật liệu được tận dụng lại toàn bộ để đắp lại phần nền tại khu đất trồng cây xanh và nhà hương khói.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Tại mỗi công trường thi công, bố trí 02 thùng 120l lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải tập kết tại khu vực lán trại theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn;

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm đảm bảo.

- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án giảm thiểu tác động do hoạt động chiếm dụng đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường. Thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.
- Đối với bãi thải tạo các rãnh thoát nước, gờ giảm tốc, hố giảm tốc.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát (01 điểm):
 - + 01 vị trí tại phía Bắc dự án giáp Nghĩa trang hiện trạng. Tọa độ: X = 1.550.621; Y = 606.642 (Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15').
- Thông số giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần hoặc khi có ý kiến khiếu nại liên quan đến quá trình thực hiện dự án.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

5.2. Giám sát sụt lún đất: Thường xuyên giám sát nhằm phát hiện các hiện

tượng xói lở, xác định quy mô, mức độ xói lở để có biện pháp xử lý kịp thời.

Vị trí giám sát: tại các khu vực mái taluy, khu vực đổ thải của dự án

5.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.